

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2018

V/v: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thu
2. Ông Lưu Trọng Kim

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ, ngày 29/3/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số 16 đường số 23, tổ 4, thôn 9, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Công V, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 336 đường Cây Sung – Bến Đò, thôn 9, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018 có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Chị và anh Nguyễn Thành Công V tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 20/11/2012. Sau khi kết hôn không lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, không thể dung hòa trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì thế mà anh chị đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, thương yêu nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc hôn nhân này nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/4/2013. Từ khi ly thân đến nay, chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục là người trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc và không có điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án nên cùng với việc nộp đơn khởi kiện, chị T đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2018 có trong hồ sơ vụ án, anh Nguyễn Thành Công V khai thống nhất như lời khai của chị T về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung và xung đột vợ chồng. Anh V cho rằng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn, xung đột giữa vợ chồng xuất phát từ tiền bạc. Sự bất hòa của vợ chồng anh đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Cuối năm 2013, sau lần cãi vã thì chị T bỏ nhà đi cho đến nay. Từ đó, vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc, thăm hỏi nhau. Nay anh V cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung anh V đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản, nợ chung anh V không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị T và anh V không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân thời gian dài, không hàn gắn

được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, đồng thời giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị T và anh V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của anh chị và giấy khai sinh do UBND xã Đ cấp cho người được khai sinh tên Nguyễn Bảo N thì có đủ cơ sở xác định, Nguyễn Bảo N là con chung của chị T và anh V. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Trên cơ sở các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V đã thật sự không còn hạnh phúc, anh chị đã ly thân thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm, mặc dù đã có sự tác động, khuyên giải của gia đình nhưng vẫn không có kết quả.

Hiện nay mỗi người sống một nơi, không liên lạc, quan quan tâm lẫn nhau. Từ đó, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy sau khi ly thân từ năm 2013 đến nay, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Hiện nay cháu N đã đi học và có cuộc sống ổn định cùng chị T. Ngoài ra, chị T có công việc và thu nhập ổn định và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N cho đến khi trưởng thành. Do đó, căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, xét thấy để đảm bảo sự sinh hoạt, phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ thì cần giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng pháp luật. Anh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Do chị T không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[4] Về án phí: Chị T là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật Thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Nguyễn Thị Phương T ly hôn Nguyễn Thành Công V.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phương T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Nguyễn Bảo N, sinh ngày 30/4/2013. Anh Nguyễn Thành Công V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0018321 ngày 29/3/2018. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKDND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Phước Hiệu